

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya

Bài học ngày 14.6.2020

3. Kinh Thừa Tụ Pháp (Dhammadāyāda Sutta)

Kinh Thừa Tụ Pháp lấy tên đặt nội dung với lời kêu gọi của Đức Phật đối với hàng đệ tử hãy kế thừa giá trị pháp bảo và đừng kế thừa giá trị tài vật. Đoạn sau của bài kinh ghi lại pháp thoại ngắn của Tôn giả Sāriputta giảng về thế nào là người học trò học theo hạnh đức của thầy tổ.

014. Vị tỳ kheo không ăn cơm của Phật

Ngài kể về chuyện hai tỳ kheo đến diện kiến gặp lúc Đức Thế Tôn vừa thọ thực xong. Cả hai tỳ kheo đi đường xa đều đói lả. Đức Phật thấy vậy dạy rằng sau bữa ăn của Ngài vẫn còn lại nếu muốn hai vị có thể ăn. Hai vị có hai cách hưởng lộc Phật khác nhau:



Kinh Văn

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sāvattthī (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Khi ở tại chỗ ấy, Thế Tôn gọi các Tỳ-kheo: "Này các Tỳ-kheo", --"Bạch Thế Tôn", các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói:

-- Này các Tỳ-kheo, hãy là người thừa tụ Pháp của Ta, đừng là những người thừa tụ tài vật. Ta có lòng thương tưởng các Ngươi và Ta nghĩ: "Làm sao những đệ tử của Ta là những người thừa tụ Pháp của Ta, không phải là những người thừa tụ tài vật". Và này các Tỳ-kheo, nếu các Ngươi là những người thừa tụ tài vật của Ta, không phải là những người thừa tụ Pháp, thì không những các Ngươi trở thành những người mà người ta nói: "Cả thầy và trò đều là những người thừa tụ tài vật, không phải là những người thừa tụ Pháp", mà cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: "Cả

thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự Pháp".

Và này các Tỷ-kheo, nếu các Ngươi là những người thừa tự Pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật, thời không những các Ngươi trở thành những người mà người ta nói: "Cả Thầy và trò là những người thừa tự Pháp, không phải là những người thừa tự tài vật", mà cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: "Cả Thầy và trò đều là những người thừa tự Pháp, không phải là những người thừa tự tài vật". Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy là những người thừa tự Pháp của Ta, đừng là những người thừa tự tài vật. Ta có lòng thương tưởng các Ngươi và Ta nghĩ: "Làm sao những đệ tử của Ta là những người thừa tự Pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật?".

Này các Tỷ-kheo, ở đây, một thời Ta ăn đã xong, thỏa mãn, đầy đủ, đã chấm dứt buổi ăn, tự cảm thỏa thích, vừa ý, và còn lại đồ ăn tàn thực của Ta đáng được quăng bỏ. Khi ấy có hai Tỷ-kheo đến, đói lả và kiệt sức. Ta có thể nói với hai vị ấy: "Này các Tỷ-kheo, Ta ăn đã xong, thỏa mãn, đầy đủ, đã chấm dứt buổi ăn, tự cảm thỏa thích, vừa ý, và còn lại đồ ăn tàn thực này của Ta đáng được quăng bỏ. Nếu các Ngươi muốn, hãy ăn đi. Nếu các Ngươi không muốn ăn, Ta sẽ quăng đồ ăn ấy tại chỗ không có cỏ xanh, hay Ta sẽ bỏ xuống chỗ nước không có chúng sanh trong ấy". Rồi một Tỷ-kheo có thể nghĩ như sau: "Nay Thế Tôn ăn đã xong, thỏa mãn, đầy đủ, đã chấm dứt buổi ăn, tự cảm thỏa thích, vừa ý; và đây là đồ ăn tàn thực của Thế Tôn, đáng được quăng bỏ. Nếu chúng ta không ăn, Thế Tôn sẽ quăng đồ ăn ấy tại chỗ không có cỏ xanh, hay sẽ bỏ xuống chỗ nước không có chúng sanh trong ấy. Nhưng Thế Tôn có dạy như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy là người thừa tự Pháp của Ta, đừng là người thừa tự tài vật". Đây là loại tài vật; món đồ ăn này, ta hãy không ăn loại đồ ăn này và trải qua đêm ngày hôm nay, bị đói lả và kiệt sức". Rồi vị ấy không ăn loại đồ ăn này và trải qua đêm ngày ấy, đói lả và kiệt sức. Tỷ-kheo thứ hai nghĩ như sau: "Thế Tôn ăn đã xong, thỏa mãn, đầy đủ, đã chấm dứt buổi ăn, tự cảm thỏa thích, vừa ý; và đây là đồ ăn tàn thực của Thế Tôn, đáng được quăng bỏ. Nếu chúng ta không ăn, Thế Tôn sẽ quăng đồ ăn ấy tại chỗ không có cỏ xanh, hay sẽ bỏ xuống chỗ nước không có chúng sanh trong ấy. Vậy ta hãy ăn loại đồ ăn này, trừ bỏ đói lả và kiệt sức, và trải qua đêm ngày hôm nay như vậy". Rồi vị ấy ăn loại đồ ăn ấy, trừ bỏ đói lả và kiệt sức, và trải qua đêm ngày hôm ấy như vậy. Này các Tỷ-kheo, dầu cho Tỷ-kheo này, sau khi ăn loại đồ ăn ấy, trừ bỏ đói lả và kiệt sức, và trải qua đêm ngày hôm ấy như vậy, nhưng đối với Ta, Tỷ-kheo đầu tiên đáng được kính nể hơn, và đáng được tán thán hơn. Vì sao vậy? Vì như vậy sẽ đưa đến cho Tỷ-kheo ấy, trong một thời gian lâu ngày, ít dục, biết đủ, khổ hạnh, dễ nuôi dưỡng, tinh cần, tinh tấn. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy là người thừa tự Pháp của Ta, đừng là người thừa tự tài vật.

015. Ai là người tt sự hưởng gia tài của Đức Phật để lại?

Tôn giả Sāriputta là bậc thượng thủ tinh văn đệ tử Phật thường giữ vai trò giáo thọ giảng dạy giáo pháp cho Tăng chúng thay thế Đức Phật. Bài kinh này ghi lại nhân duyên thường có là Đức Phật giảng dạy cho chư tăng hằng ngày. Nhưng hôm ấy Đức Thế Tôn nói rất ngắn và sau khi Ngài về tịnh thất thì Tôn giả Sāriputta tiếp tục. Nói về sự truyền thừa thì Tôn giả nêu lên hai trường hợp áp dụng cho ba bậc tỳ kheo và hai mô tả về con đường được Đức Phật truyền dạy.

Hai trường hợp là Bậc Đạo Sư sống viễn ly mà các đệ tử không học theo viễn ly; và Bậc Đạo Sư sống viễn ly, các đệ tử học theo viễn ly.

Ba bậc tỳ kheo là trưởng lão tỳ kheo, trung toạ tỳ kheo và tân tỳ kheo.

Hai mô tả về hai mô tả về con đường được Đức Phật truyền dạy là con đường Trung Đạo đối trị ba căn bất thiện tham, sân, si; và con đường Trung Đạo đối sở hành ác quấy.

Chữ “sống viễn ly” trong phần đầu nên được hiểu là cách nói tổng quát về đời sống phạm hạnh hay sự tu hành chân thực:



Kinh Văn

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Nói xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh xá. Lúc ấy, Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất), sau khi Thế Tôn đi chẳng bao lâu, liền gọi các Tỷ-kheo: "Này các Hiền giả Tỷ-kheo!" --"Thưa vâng Hiền giả", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói:

"Này các Hiền giả, như thế nào vị Đạo sư sống viễn ly mà các đệ tử không tùy học viễn ly? Và như thế nào vị Đạo sư sống viễn ly và các đệ tử tùy học viễn ly?" --"Này Hiền giả, chúng tôi từ xa lại để được hiểu nghĩa lý câu nói này từ Tôn giả Sāriputta. Lành thay, nếu Tôn giả Sāriputta thuyết giảng nghĩa lý câu nói ấy. Sau khi được nghe Tôn giả Sāriputta thuyết giảng, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì"

--"Chư Hiền, vậy hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ giảng"

--"Thưa vâng, Hiền giả", những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

-- Nay chư Hiền, ở đây vị Đạo Sư sống viễn ly các đệ tử không tùy học viễn ly. Những pháp nào vị Đạo Sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ không từ bỏ, và họ sống trong sự đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly.

Nay chư Hiền, các Thượng Tọa Tỷ-kheo có ba trường hợp đáng bị quở trách. Vị Đạo Sư sống viễn ly, các đệ tử không tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các Thượng Tọa Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Và những pháp nào vị Đạo Sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ không từ bỏ. Đó là trường hợp thứ hai, các Thượng Tọa Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Và họ sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các Thượng Tọa Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Nay chư Hiền, các Thượng tọa Tỷ-kheo do ba trường hợp này đáng bị quở trách.

Nay chư Hiền, các Trung tọa Tỷ-kheo có ba trường hợp đáng bị quở trách, ... (như trên)...

Nay chư Hiền, các vị mới thọ Tỷ-kheo có ba trường hợp đáng bị quở trách. Vị Đạo Sư sống viễn ly, các đệ tử không tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Và những pháp nào vị Đạo Sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ không từ bỏ. Đó là trường hợp thứ hai, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Và họ sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng bị quở trách. Nay chư Hiền, các vị mới thọ Tỷ-kheo do ba trường hợp này, đáng bị quở trách.

Nay chư Hiền, như vậy là những trường hợp vị Đạo Sư sống viễn ly, các đệ tử không tùy học viễn ly.

Và như thế nào, vị Đạo Sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly? Nay chư Hiền, vị Đạo Sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly. Những pháp nào, vị Đạo Sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ từ bỏ; và họ không sống trong sự đầy đủ, không lười biếng, họ bỏ rơi gánh nặng về đọa lạc và dẫn đầu về sống viễn ly.

Nay chư Hiền, các Thượng tọa Tỷ-kheo có ba trường hợp đáng được tán thán. Vị Đạo Sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các Thượng Tọa Tỷ-kheo đáng được tán thán. Và những pháp nào vị Đạo Sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ từ bỏ. Đó là trường hợp thứ hai, các Thượng tọa Tỷ-kheo đáng được tán thán. Và họ không sống trong sự đầy đủ, không lười biếng, họ bỏ rơi gánh nặng về đọa lạc và dẫn đầu về sống viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các Thượng

Tọa Tỷ-kheo đáng được tán thán. Nay chư Hiền, các Thượng tọa Tỷ-kheo do ba trường hợp này, đáng được tán thán.

Nay chư Hiền, các Trung tọa Tỷ-kheo có ba trường hợp đáng được tán thán. ... (như trên)...

Nay chư Hiền, các vị mới thọ Tỷ-kheo có ba trường hợp đáng được tán thán. Vị Đạo Sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng được tán thán. Và những pháp nào vị Đạo Sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ từ bỏ. Đó là trường hợp thứ hai, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng được tán thán. Và họ không sống trong sự đầy đủ, không lười biếng, họ bỏ rơi gánh nặng về đọa lạc và dẫn đầu về viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng được tán thán. Nay chư Hiền, các vị mới thọ Tỷ-kheo do ba trường hợp này, đáng được tán thán.

Nay chư Hiền, như vậy là những trường hợp vị Đạo Sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly.

016. Di sản thật sự của Đức Từ Phụ

Chính là con đường trung đạo. Ở đây được mô tả với hai phần: pháp cần từ bỏ và pháp phải huân tu:



Kinh Văn

Ở đây, nay chư Hiền, tham là ác pháp, và sân cũng là ác pháp, có một con đường Trung đạo diệt trừ tham và diệt trừ sân, khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Và nay chư Hiền con đường Trung đạo ấy là gì - (con đường) khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Đó là con đường Thánh tám ngành, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Nay chư Hiền, đó là con đường Trung đạo, khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Ở đây, nay chư Hiền, phẫn nộ là ác pháp và hiềm hận cũng là ác pháp, giả dối là ác pháp và não hại cũng là ác pháp, tật đố là ác pháp và xan lẫn cũng là ác pháp, man trá là ác pháp và phản bội cũng là ác pháp, ngoan cố là ác pháp và bông bột nông

nổi cũng là ác pháp, mạn là ác pháp và tăng thượng mạn cũng là ác pháp, kiêu là ác pháp và phóng dật cũng là ác pháp. Có một con đường Trung đạo diệt trừ kiêu và diệt trừ phóng dật, khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Và này chư Hiền, con đường Trung đạo ấy là gì - (con đường) khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Đó là con đường Thánh tám ngành, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Này chư Hiền, đó là con đường Trung đạo khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Tôn giả Sāriputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời giảng của Tôn giả Sāriputta.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Phân đoạn & chú thích: Tỷ Kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

**Kinh số 3 [tóm tắt]
Kinh Thừa Tụ Pháp
(Dhammadāyāda Sutta)
(M.i,12)**

Thế Tôn ở Sāvathī, Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và thuyết kinh này. Đức Phật khuyên các Tỷ-kheo hãy thừa tụ chánh pháp của Ngài, đừng thừa tụ tài vật của Ngài. Vì đức Phật có lòng thương các đệ tử nên mới khuyên như vậy. Nếu không vậy thì cả thầy và đệ tử bị chỉ trích là những người thừa tụ tài vật, không thừa tụ chánh pháp.

Rồi đức Phật kể câu chuyện có hai Tỷ-kheo đến yết kiến Phật, một người nhớ đến lời dạy của đức Phật, làm người thừa tụ chánh pháp, không thừa tụ tài vật của đức Phật, nên dù đức Phật có để lại đồ ăn khát thực dư thừa, dù bị đói lả và mệt, vị ấy cũng không ăn đồ dư thừa, nên trải qua một đêm bị đói và kiệt sức. Vị kia thì làm trái lời Phật dạy, ăn đồ ăn dư thừa và trải qua một đêm thoải mái. Nhưng đức Phật tán thán vị Tỷ-kheo đầu vì đã nghe lời Phật dạy, không thừa tụ tài vật của đức Phật và thiên về ít dục, biết đủ, dễ nuôi dưỡng. Thuyết xong đức Phật đi vào tịnh xá.

Rồi Sāriputta thuyết cho các Tỷ-kheo biết thế nào bậc Đạo sư sống viễn ly, nhưng các đệ tử không tùy học viễn ly, bậc Đạo sư dạy các pháp môn từ bỏ, nhưng các đệ

tử không nghe, sống sung túc, lười biếng. Có ba trường hợp các Tỷ-kheo trưởng lão, trung niên, niên thiếu đáng bị quả trách:

1. Vị Đạo sư sống viễn ly, các đệ tử không tùy học viễn ly;
2. Các pháp bậc Đạo sư dạy nên từ bỏ, các đệ tử không từ bỏ;
3. Các đệ tử sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly.

Có ba trường hợp, các Tỷ-kheo trưởng lão, trung niên, thiếu niên được tán thán (tức là trái lại với ba trường hợp trên).

Rồi Sāriputta kể một số pháp ác: tham và sân, phẫn nộ và hiềm hận, gièm pha và não hại, tật đố và xan tham, man trá và phản bội, ngoan cố và bông bột, mạn và tăng thượng mạn, kiêu và phóng dật (*lobho doso, kodho upanāho, makkho phalāso, issā macheram, māyā sāthayyam, thambho sārambho, māno, atimāno, mado pamādo*: mười sáu pháp), có con đường Trung đạo, diệt trừ mười sáu ác pháp này khiến nhân sanh, trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, Niết-bàn, tức là con đường Chánh đạo Tám chi, từ Chánh tri kiến đến Chánh định.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 3 [dàn ý]
Kinh Thừa Tụ Pháp
(Dhammadāyāda Sutta)
(M.i,12)

A. Duyên khởi:

Đức Phật gọi các Tỷ-kheo và thuyết giảng.

B. Chánh kinh:

I. Lời thuyết giảng của Đức Phật.

1. Hãy thừa tụ chánh pháp của Ngài, đừng thừa tụ tài vật.

2. Đức Phật kể câu chuyện 2 Tỷ-kheo, một vị thừa tự chánh pháp được Đức Phật tán thán, một vị thừa tự tài vật nên bị chê.

II. Lời giải thích của Tôn giả Sāriputta.

1. Ba trường hợp các Trưởng lão, trung niên và tân học Tỷ-kheo bị quở trách.

a. Vị đạo sư sống viễn ly, các đệ tử không tùy học viễn ly.

b. Các pháp bậc Đạo sư dạy nên từ bỏ, các đệ tử không từ bỏ.

c. Các đệ tử sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, từ bỏ gánh nặng viễn ly.

2. Ba trường hợp các trưởng lão, trung niên, tân học Tỷ-kheo được tán thán.

3. Ngài Sāriputta kể đến 16 ác pháp và con đường đưa đến đoạn trừ 16 ác pháp ấy.

C. Kết luận:

Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 3 [toát yếu] Kinh Thừa Tự Pháp (Dhammadāyāda Sutta) (M.i,12)

I. Toát yếu

Dhammadāyāda Sutta - Heir in the dhamma.

The Buddha enjoins the Bhikkhus to be heirs in the Dhamma, not heirs in material things. The venerable Sāriputta then continues on the same theme by explaining how disciples should train themselves to become the Buddhás heir in the Dhamma.

Những người thừa kế Chánh pháp.

Phật khuyến khích chư tỳ kheo hãy là những người thừa hưởng gia tài Pháp của Ngài chứ không phải thừa hưởng của cải vật chất. Sau đó tôn giả Xá-lợi-phất tiếp tục đề tài này bằng cách giải thích làm thế nào các đệ tử cần phải tu tập để trở thành những vị thừa kế của Phật trong lĩnh vực Pháp.

II. Tóm tắt

Phật nói kinh này vì có nhiều tỳ kheo khởi tâm ưa thích danh dự lợi dưỡng mà quên việc tu tập viển ly. Ngài thường thao thức mong sao đệ tử Ngài sẽ là những người thừa kế Pháp thay vì thừa kế vật chất. Nếu đệ tử trở thành kẻ thừa kế vật chất thì cả thầy lẫn trò đều mang tiếng. Người nào y theo lời Phật dạy mà hành trì, sống thiếu dục tri túc, thì dễ nuôi, đáng được kính nể.

Tiếp theo, tôn giả Xá-lợi-phất triển khai lời dạy vắn tắt của Phật như sau. Có hai trường hợp: một là đạo sư sống viển ly mà đệ tử không học theo; hai là đệ tử học theo bậc đạo sư sống viển ly, gồm ba việc: 1. Thực hành viển ly; 2. Từ bỏ những gì Phật dạy cần phải từ bỏ; 3. Không sống buông lung, lười biếng. Tỳ kheo nào, dù thuộc hàng thượng tọa thâm niên, hay trung tọa, hay hạ tọa mới tu, nếu làm ba việc ấy là đáng tán thán, làm ngược lại thì đáng quở trách.

Các pháp cần từ bỏ gồm 16:

- Tham, sân, phần nộ, hiềm hận, - giả dối, não hại, tật đố, xan lẫn,
- man trá, phản bội, ngoan cố, bông bột,
- ngã mạn, tăng thượng, tự kiêu, phóng dật.

III. Chú giải

Viển ly gồm ba là: *thân viển ly*, tức cư trú nơi núi rừng; *tâm viển ly* là thiếu dục tri túc; *hữu viển ly* là xa lìa tham đắm ba cõi.

Về 16 pháp, bản Anh ngữ:

- Greed, hate, anger, revenge,
- contempt (khinh miệt), domineering attitude (thông trị), envy, avarice,

- *deceit, fraud, obstinacy, presumption,*

- *conceit, arrogance, vanity, negligence.*

Đây là những pháp mà bậc đạo sư dạy đệ tử cần phải từ bỏ, vì chúng làm nên những người thừa tự tài vật. Từ bỏ chúng, đào luyện tám chánh đạo thì sẽ thành những người thừa tự Pháp của Ngài, hướng đến Niết-bàn tịch tịnh.

IV. Pháp số

Ba việc đáng quở trách nơi đệ tử: bậc Đạo sư sống viễn ly, đệ tử không học theo; những gì đạo sư dạy từ bỏ đệ tử không từ bỏ; sống dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng viễn ly.

Ba việc đáng tán thán là học theo bậc Đạo sư, sống viễn ly; từ bỏ những gì Phật dạy từ bỏ; không lười biếng mà bỏ rơi gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu về viễn ly.

Ba viễn ly: thân, tâm và hữu.

Thánh đạo tám ngành: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

V. Kệ tụng

1. Đệ tử thừa kế Pháp
Hơn thừa tự vật chất
Nếu chỉ thừa hưởng vật,
Làm mang tiếng cả thầy.

2. Thừa tự Pháp nghĩa là
Những gì Phật dạy bỏ Đệ tử hãy từ bỏ,
Tức là mười sáu pháp:

tham lam và giận dữ
phẫn nộ và hiềm hận
giả dối và não hại
tật đố và xan lẫn

man trá và phản bội
ngoan mê và bông bột
ngã mạn và tăng thượng
phóng dật và tự kiêu.

3. Từ bỏ mười sáu pháp
Đào luyện tám thánh đạo
Xứng kẻ thừa tự Pháp
Hưởng Niết-bàn an vui.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

-ooOoo-

3.Dhammadāyādasuttaṃ [Mūla]

29. Evaṃ me suttaṃ : ekaṃ samayaṃ **Bhagavā** sāvattīyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho **Bhagavā** bhikkhū āmantesi : "bhikkhavoti. "Bhadanteti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca : "dhammadāyādā me, bhikkhave, bhavatha, mā āmisadāyādā. Atthi me tumhesu anukampā : 'kinti me sāvaka dhammadāyādā bhavēyyum, no āmisadāyādāti. Tumhe ca me, bhikkhave, āmisadāyādā bhavēyyātha no dhammadāyādā, tumhepi tena ādiyā [ādissā (sī. syā. pī.)] bhavēyyātha : 'āmisadāyādā satthusāvaka viharanti, no dhammadāyādāti ahampi tena ādiyō bhavēyyaṃ : 'āmisadāyādā satthusāvaka viharanti, no dhammadāyādāti. Tumhe ca me, bhikkhave, dhammadāyādā bhavēyyātha, no āmisadāyādā, tumhepi tena na ādiyā bhavēyyātha : 'dhammadāyādā satthusāvaka viharanti, no āmisadāyādāti ahampi tena na ādiyō bhavēyyaṃ : 'dhammadāyādā satthusāvaka viharanti, no āmisadāyādāti. Tasmātiha me, bhikkhave, dhammadāyādā bhavatha, mā āmisadāyādā. Atthi me tumhesu anukampā : 'kinti me sāvaka dhammadāyādā bhavēyyum, no āmisadāyādāti.

30. "Idhāhaṃ, bhikkhave, bhuttāvī assaṃ pavārito paripuṇṇo pariyosito suhito yāvadattho siyā ca me piṇḍapāto atirekadhammo chaḍḍanīyadhammo [chaḍḍiyadhammo (sī. syā. pī.)]. Atha dve bhikkhū āgaccheyyum jighacchādubbalya- [jighacchādubballa (sī. pī.)] paretā . Tyāhaṃ evaṃ vadeyyaṃ : 'ahaṃ khomhi, bhikkhave, bhuttāvī pavārito paripuṇṇo pariyosito suhito yāvadattho atthi ca me ayaṃ piṇḍapāto atirekadhammo chaḍḍanīyadhammo. Sace ākaṅkhatha, bhuñjatha, no ce tumhe bhuñjissatha [sace tumhe na bhuñjissatha (sī. syā. pī.)], idānāhaṃ appaharite vā chaḍḍessāmi, appāṇake vā uḍake opilāpessāmīti. Tatrekassa

bhikkhuno evamassa : '**Bhagavā** kho bhuttāvī pavārito paripuṇṇo pariyosito suhito yāvadattho atthi cāyaṃ bhagavato piṇḍapāto atirekadhammo chaḍḍanīyadhammo. Sace mayam na bhuñjissāma, idāni **Bhagavā** appaharite vā chaḍḍessati, appāṇake vā uduke opilāpessati . Vuttam kho panetaṃ bhagavatā : 'dhammadāyādā me, bhikkhave, bhavatha, mā āmisadāyādāti. Āmisaññataram kho panetaṃ, yadidaṃ piṇḍapāto. Yaṃnūnāhaṃ imaṃ piṇḍapātaṃ abhuñjitvā imināva jighacchādubbalyena evaṃ imaṃ rattindivaṃ [rattidivaṃ (ka.)] vītināmeyyanti. So taṃ piṇḍapātaṃ abhuñjitvā teneva jighacchādubbalyena evaṃ taṃ rattindivaṃ vītināmeyya. Atha dutiyassa bhikkhuno evamassa : '**Bhagavā** kho bhuttāvī pavārito paripuṇṇo pariyosito suhito yāvadattho atthi cāyaṃ bhagavato piṇḍapāto atirekadhammo chaḍḍanīyadhammo. Sace mayam na bhuñjissāma, idāni **Bhagavā** appaharite vā chaḍḍessati, appāṇake vā uduke opilāpessati. Yaṃnūnāhaṃ imaṃ piṇḍapātaṃ bhuñjitvā jighacchādubbalyaṃ paṭivinodetvā [paṭivinetvā (sī. syā. pī.)] evaṃ imaṃ rattindivaṃ vītināmeyyanti. So taṃ piṇḍapātaṃ bhuñjitvā jighacchādubbalyaṃ paṭivinodetvā evaṃ taṃ rattindivaṃ vītināmeyya. Kiñcāpi so, bhikkhave, bhikkhu taṃ piṇḍapātaṃ bhuñjitvā jighacchādubbalyaṃ paṭivinodetvā evaṃ taṃ rattindivaṃ vītināmeyya, atha kho asuyeva me purimo bhikkhu pujjataro ca pāsamsataro ca. Taṃ kissa hetu? tañhi tassa, bhikkhave, bhikkhuno dīgharattaṃ appicchatāya santuṭṭhiyā sallekḥāya subharatāya vīriyārambhāya saṃvattissati. Tasmātiha me, bhikkhave, dhammadāyādā bhavatha, mā āmisadāyādā. Atthi me tumhesu anukampā : 'kinti me sāvakā dhammadāyādā bhavessu, no āmisadāyādāti. Idamavoca **Bhagavā**. Idam vatvāna [vatvā (sī. pī.)] evamīdisesu ṭhānesu] sugato uṭṭhāyāsanā vihāraṃ pāvīsi.

31. Tatra kho āyasmā sārīputto acirapakkantassa bhagavato bhikkhū āmantesi : "āvuso bhikkhavi. "Āvusoti kho te bhikkhū āyasmato sārīputtassa paccassosum. Āyasmā sārīputto etadavoca :

"Kittāvatā nu kho, āvuso, satthu pavivittassa viharato sāvakā vivekaṃ nānusikkhanti, kittāvatā ca pana satthu pavivittassa viharato sāvakā vivekamanusikkhantīti? "dūratopi kho mayam, āvuso, āgacchāma āyasmato sārīputtassa santike etassa bhāsītassa atthamaññātaṃ. Sādhu vatāyasmantaṃyeva sārīputtaṃ paṭibhātu etassa bhāsītassa attho āyasmato sārīputtassa sutvā bhikkhū dhāressantīti. "Tena hāvuso, suñātha, sādhukaṃ manasi karotha, bhāsissāmīti. "Evamāvusoti kho te bhikkhū āyasmato sārīputtassa paccassosum. Āyasmā sārīputto etadavoca :

"Kittāvatā nu kho, āvuso, satthu pavivittassa viharato sāvakā vivekaṃ nānusikkhanti? idhāvuso, satthu pavivittassa viharato sāvakā vivekaṃ nānusikkhanti, yesaṅca dhammānaṃ satthā pahānamāha, te ca dhamme

nappajahanti, bāhulikā [bāhullikā (syā.)] ca honti, sāthalikā, okkamane pubbaṅgamā, paviveke nikkhattadhurā. Tatrāvuso, therā bhikkhū tīhi ṭhānehi gārayhā bhavanti. 'Satthu pavivittassa viharato sāvakā vivekaṃ nānusikkhantīti : iminā paṭhamena ṭhānena therā bhikkhū gārayhā bhavanti. 'Yesañca dhammānaṃ satthā pahānamāha te ca dhamme nappajahantīti : iminā dutiyena ṭhānena therā bhikkhū gārayhā bhavanti. 'Bāhulikā ca, sāthalikā, okkamane pubbaṅgamā, paviveke nikkhattadhurāti : iminā tatiyena ṭhānena therā bhikkhū gārayhā bhavanti. Therā, āvuso, bhikkhū imehi tīhi ṭhānehi gārayhā bhavanti. Tatrāvuso, majjhimā bhikkhū - pe - navā bhikkhū tīhi ṭhānehi gārayhā bhavanti. 'Satthu pavivittassa viharato sāvakā vivekaṃ nānusikkhantīti : iminā paṭhamena ṭhānena navā bhikkhū gārayhā bhavanti. 'Yesañca dhammānaṃ satthā pahānamāha te ca dhamme nappajahantīti : iminā dutiyena ṭhānena navā bhikkhū gārayhā bhavanti. 'Bāhulikā ca honti, sāthalikā, okkamane pubbaṅgamā, paviveke nikkhattadhurāti : iminā tatiyena ṭhānena navā bhikkhū gārayhā bhavanti. Navā, āvuso, bhikkhū imehi tīhi ṭhānehi gārayhā bhavanti. Ettāvātā kho, āvuso, satthu pavivittassa viharato sāvakā vivekaṃ nānusikkhanti.

32. "Kittāvātā ca, panāvuso, satthu pavivittassa viharato sāvakā vivekamanusikkhanti ? idhāvuso, satthu pavivittassa viharato sāvakā vivekamanusikkhanti : yesañca dhammānaṃ satthā pahānamāha te ca dhamme pajahanti na ca bāhulikā honti, na sāthalikā okkamane nikkhattadhurā paviveke pubbaṅgamā. Tatrāvuso, therā bhikkhū tīhi ṭhānehi pāsamsā bhavanti. 'Satthu pavivittassa viharato sāvakā vivekamanusikkhantīti : iminā paṭhamena ṭhānena therā bhikkhū pāsamsā bhavanti. 'Yesañca dhammānaṃ satthā pahānamāha te ca dhamme pajahantīti : iminā dutiyena ṭhānena therā bhikkhū pāsamsā bhavanti. 'Na ca bāhulikā, na sāthalikā okkamane nikkhattadhurā paviveke pubbaṅgamāti : iminā tatiyena ṭhānena therā bhikkhū pāsamsā bhavanti. Therā, āvuso, bhikkhū imehi tīhi ṭhānehi pāsamsā bhavanti . Tatrāvuso, majjhimā bhikkhū - pe - navā bhikkhū tīhi ṭhānehi pāsamsā bhavanti. 'Satthu pavivittassa viharato sāvakā vivekamanusikkhantīti : iminā paṭhamena ṭhānena navā bhikkhū pāsamsā bhavanti. 'Yesañca dhammānaṃ satthā pahānamāha te ca dhamme pajahantīti : iminā dutiyena ṭhānena navā bhikkhū pāsamsā bhavanti. 'Na ca bāhulikā, na sāthalikā okkamane nikkhattadhurā paviveke pubbaṅgamāti : iminā tatiyena ṭhānena navā bhikkhū pāsamsā bhavanti. Navā, āvuso, bhikkhū imehi tīhi ṭhānehi pāsamsā bhavanti. Ettāvātā kho, āvuso, satthu pavivittassa viharato sāvakā vivekamanusikkhanti.

33. "Tatrāvuso, lobho ca pāpako doso ca pāpako. Lobhassa ca pahānāya dosassa ca pahānāya atthi majjhimā paṭipadā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati. Katamā ca sā, āvuso, majjhimā paṭipadā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya

saṃvattati? ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo, seyyathidaṃ [seyyathīdaṃ (sī. syā. pī.)] : sammādiṭṭhi sammāsaṅkappo sammāvācā sammākammanto sammāājīvo sammāvāyāmo sammāsati sammāsamādhī. Ayaṃ kho sā, āvuso, majjhimā paṭipadā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.

"Tatrāvuso, kodho ca pāpako upanāho ca pāpako - pe - makkho ca pāpako paḷāso ca pāpako, issā ca pāpikā maccheraṅca pāpakaṃ, māyā ca pāpikā sāṭṭheyyaṅca pāpakaṃ, thambho ca pāpako sārāmbho ca pāpako, māno ca pāpako atimāno ca pāpako, mado ca pāpako pamādo ca pāpako. Madassa ca pahānāya pamādassa ca pahānāya atthi majjhimā paṭipadā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati. Katamā ca sā, āvuso, majjhimā paṭipadā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati? ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo, seyyathidaṃ : sammādiṭṭhi sammāsaṅkappo sammāvācā sammākammanto sammāājīvo sammāvāyāmo sammāsati sammāsamādhī. Ayaṃ kho sā, āvuso, majjhimā paṭipadā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattatīti. Idamavocāyasmā sārīputto. Attamanā te bhikkhū āyasmato sārīputtassa bhāsitaṃ abhinanduntī.

Dhammadāyādasuttaṃ niṭṭhitaṃ tatiyaṃ.

3. Dhammadāyādasuttavaṇṇanā [Atthakathā]

29. **Evam me sutanti** dhammadāyādasuttaṃ. Yasmā panassa aṭṭhuppattiko nikkhepo, tasmā taṃ dassetvā vassa apubbapadavaṇṇanaṃ karissāma. Katarāya ca panidaṃ aṭṭhuppattiyā nikkhittanti. Lābhasakkāre. Bhagavato kira mahālābhasakkāro uppajji. Yathā taṃ cattāro asaṅkhyeyye pūritadānapāramīsaṅcayassa. Sabbadisāsu yamakamahāmegho vuṭṭhahitvā mahoghaṃ viya sabbapāramiyo ekasmiṃ attabhāve vipākaṃ dassāmāti sampiṇḍitā viya lābhasakkāramahoghaṃ nibbattayimsu. Tato tato annapānayanavattamālāgandhavilepanādihatthā khattiyabrāhmaṇādayo āgantvā – “kahaṃ buddho, kahaṃ bhagavā, kahaṃ devadevo, narāsabho, purisasīho”ti bhagavantaṃ pariyesanti. Sakaṭasatehipi paccaye āharitvā okāsaṃ alabhamānā samantā gāvutappamāṇampi sakaṭadhurena sakaṭadhuramāhaccatitṭhanti ceva anubandhanti ca. Andhakavindabrāhmaṇādayo viya. Sabbam khandhake tesu tesu suttesu ca āgatanayeneva veditabbaṃ. Yathā ca bhagavato, evaṃ bhikkhusaṅghassaṃpi.

Vuttampi cetam – “tena kho pana samayena bhagavā sakkato hoti garukato mānito pūjito apacito lābhī

cīvarapiṇḍapātasenāsanagilānapaccayabhesajjaparikkhārānaṃ, bhikkhusaṅghopi kho sakkato hoti...pe... parikkhārāna’nti (udā. 14). Tathā – “yāvatā kho, cunda, etarahi saṅgho vā gaṇo vā loke uppanno, nāhaṃ, cunda, aññaṃ ekasaṅghampi samanupassāmi, evaṃ lābhaggayasaggapattaṃ, yathariva, cunda, bhikkhusaṅgho’nti (dī. ni. 3.176).

Svāyaṃ bhagavato ca bhikkhusaṅghassa ca uppanno lābhasakkāro ekato hutvā dvinnāṃ mahānadānaṃ udakamiva appameyyo ahosi. Kamena bhikkhū paccayagarukā paccayabāhulikā ahesuṃ. Pacchābhattampi telamadhuphāṇitādīsū āhaṭesu gaṇḍimyeva paharivā “amhākaṃ ācariyassa detha, upajjhāyassa dethā’nti uccāsaddamahāsaddaṃ karonti. Sā ca nesaṃ pavatti bhagavatopi pākaṭā ahosi. Tato bhagavā ananucchavikanti dhammasamvegaṃ uppādetvā cintesi –

“Paccayā akappiyāti na sakkā sikkhāpadaṃ paññāpetuṃ. Paccayapaṭibaddhā hi kulaputtānaṃ samaṇadhammavutti. Handāhaṃ dhammadāyādapaṭipadaṃ desemi. Sā sikkhākāmānaṃ kulaputtānaṃ sikkhāpadapaññānti viya bhavissati nagaradvāre ṭhapitasabbakāyikaādāso viya ca, yathā hi nagaradvāre ṭhapite sabbakāyike ādāse cattāro vaṇṇā attano chāyaṃ disvā vajjaṃ pahāya niddosā honti, evameva sikkhākāmā kulaputtā payogamaṇḍanena attānaṃ maṇḍetukāmā imaṃ sabbakāyikādāsūpamaṃ desanaṃ āvajjitvā āmisadāyādapaṭipadaṃ vajjetvā dhammadāyādapaṭipadaṃ pūrentā khippameva jātijarāmarāṇassa antaṃ karissantī’nti. Imissā atṭhuppattiyā idaṃ suttaṃ abhāsi.

Tattha **dhammadāyādā me, bhikkhave, bhavatha, mā āmisadāyādāti** dhammassa me dāyādā, bhikkhave, bhavatha, mā āmisassa. Yo mayhaṃ dhammo, tassa paṭiggāhakā bhavatha, yañca kho mayhaṃ āmiṣaṃ, tassa mā paṭiggāhakā bhavathāti vuttaṃ hoti. Tattha dhammopi duvidho – nipariyāyadhammo, pariyāyadhammoti. Āmisampi duvidhaṃ – nipariyāyāmiṣaṃ, pariyāyāmiṣanti. Kathaṃ? Maggaphalanibbānabhedo hi navavidhopi lokuttaradhammo **nipariyāyadhammo** nibbattitadhammo, na yena kenaci pariyāyena kāraṇena vā lesena vā dhammo. Yaṃ panidaṃ vivatṭūpanissitaṃ kusalaṃ, seyyathidaṃ, idhekacco vivatṭaṃ patthento dānaṃ deti, sīlaṃ samādiyati, uposathakammaṃ karoti, gandhamālādīhi vatthupūjaṃ karoti, dhammaṃ suṇāti deseti jhānasamāpattiyo nibbatteti, evaṃ karonto anupubbena nipariyāyadhammaṃ amataṃ nibbānaṃ paṭilabhati, ayaṃ **pariyāyadhammo**. Tathā cīvarādayo cattāro paccayā **nipariyāyāmiṣameva**, na aññaṃ pariyāyena kāraṇena vā lesena vā āmiṣaṃ. Yaṃ panidaṃ vatṭagāmikusalaṃ, seyyathidaṃ, idhekacco vatṭaṃ patthento sampattibhavaṃ icchamāno dānaṃ deti...pe... samāpattiyo nibbatteti, evaṃ karonto anupubbena devamanussasampattiṃ paṭilabhati, idaṃ **pariyāyāmiṣaṃ** nāma.

Tattha nippariyāyadhammopi bhagavatoyeva santako. Bhagavatā hi kathitattā bhikkhū maggaphalanibbānāni adhigacchanti. Vuttampi cetam “so hi brāhmaṇa bhagavā anuppanassa maggassa uppādetā, asaṅjātassa maggassa saṅjanetā, anakkhātassa maggassa akkhātā, maggaññū maggavidū maggakovido. Maggānugā ca pana etarahi sāvakā viharanti pacchā samannāgatā”ti (ma. ni. 3.79) ca – “so hāvuso, bhagavā jānaṃ jānāti, passaṃ passati cakkhuhūto ñāṇabhūto dhammabhūto brahmabhūto vattā pavattā atthassa ninnetā amatassa dātā dhammassāmī tathāgato”ti (ma. ni. 1.203) ca. Pariyāyadhammopi bhagavatoyeva santako. Bhagavatā hi kathitattā evaṃ jānanti “vivaṭṭaṃ patthetvā dānaṃ dento...pe... samāpattiyo nibbattento anukkamena amataṃ nibbānaṃ paṭilabhatī”ti. Nippariyāyāmisampi ca bhagavatoyeva santakaṃ. Bhagavatā hi anuññātattāyeva bhikkhūhi jīvakaṃvattamaṃ ādiṃ katvā paṇītacīvaraṃ laddhaṃ. Yathāha “anujānāmi, bhikkhave, gahapaticīvaraṃ. Yo icchati, paṃsukūliko hotu, yo icchati, gahapaticīvaraṃ sādiyatu. Itarītarenapāhaṃ, bhikkhave, santuṭṭhiṃyeva vaṇṇemī”ti (mahāva. 337).

Pubbe ca bhikkhū paṇītapinḍapātaṃ nālatthamaṃ. Sapadānapinḍiyālopabhojanā evāhesumaṃ. Tehi rājagahe viharantena bhagavatā – “anujānāmi, bhikkhave, saṅghabhattaṃ uddesabhattaṃ nimantaṇaṃ salākabhattaṃ pakkhikaṃ uposathikaṃ pāṭipadika”nti (cūḷava. 325) evaṃ anuññātattāyeva paṇītabhojanaṃ laddhaṃ. Tathā senāsaṇaṃ. Pubbe hi akatapabbhārarukkhamūlādisenāsanāyeva bhikkhū ahesumaṃ. Te “anujānāmi, bhikkhave, pañca leṇānī”ti (cūḷava. 294) evaṃ bhagavatā anuññātattāyeva vihāro aḍḍhayogo pāsādo hammiyaṃ guhāti imāni senāsaṇāni labhiṃsu. Pubbe ca muttahaṃṭakeneva bhesajjaṃ akāṃsu. Te bhagavatāyeva – “anujānāmi, bhikkhave, pañca bhesajjāni, seyyathidaṃ, sappi, navanītaṃ, telaṃ, madhu, phāṇita”nti (mahāva. 260) evamādinā nayena anuññātattā nānābhesajjāni labhiṃsu.

Pariyāyāmisampi bhagavatoyeva santakaṃ. Bhagavatā hi kathitattā yeva jānanti – “sappattibhavaṃ patthento dānaṃ datvā sīlaṃ...pe... samāpattiyo nibbattetvā anukkamena pariyaṃyāmisamaṃ dibbasappattim manussasappattim paṭilabhatī”ti. Tadeva, yasmā nippariyāyadhammopi pariyaṃyadhammopi nippariyāyāmisampi pariyaṃyāmisampi bhagavatoyeva santakaṃ, tasmā tattha attano sāmibhāvaṃ dassento āha – “dhammadāyādā me, bhikkhave, bhavatha mā āmisadāyādā”ti.

Yo mayhaṃ santako duvidhopi dhammo, tassa dāyādā bhavatha. Yañca kho etaṃ mayhameva santakaṃ āmisamaṃ, tassa dāyādā mā bhavatha. Dhammakotṭhāsasseva sāmīno bhavatha, mā āmisakotṭhāsassa. Yo hi jinasāsane pabbajitvā paccayaparamo viharati catūsu taṇhuppādesu sandissamāno

nikkhittadhuro dhammānudhammappaṭṭipattiyam, ayam **āmisadāyādo** nāma. Tādisā mā bhavatha. Yo pana anuññātapaccayesu appicchatādīni nissāya paṭisaṅkhā sevamāno paṭipattiparamo viharati catūsu ariyavaṃsesu sandissamāno, ayam **dhammadāyādo** nāma. Tādisā bhavathāti vuttaṃ hoti.

Idāni yesaṃ tattha etadahosi, bhavissati vā anāgatamaddhānaṃ “kiṃ nu kho bhagavā sāvakaṇaṃ alābhatthiko evamāhā”ti, tesam atipaṇṭalābhatthiko ahaṃ evaṃ vadāmīti dassetumāha **atthi me tumhesu...pe... no āmisadāyādāti**.

Tassāyamattho – atthi me tumhesu anukampā anuddayā hitesitā, kena nu kho kāraṇena kena upāyena sāvakaṇaṃ dhammadāyādā assu dhammakotṭhāsasāmino, no āmisadāyādāti. Ayam pana adhippāyo, passati kira bhagavā āmisagarukānaṃ āmise upakkhalitānaṃ atītakāle tāva kapilassa bhikkhuno, “saṅghāṭipi ādittā hotī”tiādīnā (pārā. 230; sam. ni. 2.218) nayena āgatapāpabhikkhubhikkhunīsikkhamānādīnaṃca anekasatānaṃ apāyaparipūraṇattam attano sāsane pabbajitānaṃca devadattādīnaṃ. Dhammagarukānaṃ pana sārīputtamoggallānamahākassapādīnaṃ abhiññāpaṭisambhidādiguṇappaṭilābham. Tasmā tesam apāyā parimuttim sabbaguṇasampattiṇca icchanto āha – “atthi me tumhesu anukampā kinti me sāvakaṇaṃ dhammadāyādā bhaveyyuṃ, no āmisadāyādā”ti. Paccayagaruko ca catuparisantare kūṭakahāpaṇo viya nibbutaṅgāro viya ca nittejo nippabho hoti. Tato vivattitacitto dhammagaruko tejavā sīhova abhibhuyyacārī, tasmāpi evamāha – “atthi me...pe... no āmisadāyādā”ti.

Evaṃ “dhammadāyādā me, bhikkhave, bhavatha, mā āmisadāyādā”ti idaṃ anukampāya paṇītaram lābham icchantena vuttaṃ, no alābhatthikenāti sāvetaṃ idāni imassa ovādassa akaraṇe ādīnavam dassento āha “tumhe ca me, bhikkhave...pe... no dhammadāyādā”ti. Tattha **tumhepi tena ādiyā bhaveyyāthāti** tumhepi tena āmisadāyādabhāvena no dhammadāyādabhāvena ādiyā bhaveyyātha. Apadisitabbā visuṃ katabbā vavatthapetabbā, viññūhi gārayhā bhaveyyāthāti vuttaṃ hoti. Kinti? Āmisadāyādā satthusāvakaṇaṃ viharanti, no dhammadāyādāti.

Ahampi tena ādiyo bhaveyyanti ahampi tena tumhākaṃ āmisadāyādabhāvena no dhammadāyādabhāvena gārayho bhaveyyam. Kinti? Āmisa...pe... dāyādāti. Idaṃ bhagavā tesam atīva mudukaraṇatthamāha. Ayañhi ettha adhippāyo – sace, bhikkhave, tumhe āmisalolā carissatha, tattha viññū maṃ garahissanti “kathañhi nāma sabbaññū samāno attano sāvake dhammadāyāde no āmisadāyāde kātuṃ na sakkotī”ti. Seyyathāpi nāma anākappasampanne bhikkhū disvā ācariyupajjhāye garahanti “kassime saddhivihārikā, kassantevāsikā”ti; seyyathā vā pana kulakumārake vā kulakumārikāyo vā dussīle pāpadhamme disvā mātāpitaro

garahanti “kassime puttā, kassa dhītarō”ti; evameva maṃ viññū garahissanti “kathañhi nāma sabbaññū samāno attano sāvake dhammadāyāde no āmisadāyāde kātum na sakkotī”ti.

Evam imassa ovādassa akaraṇe ādīnavam dassetvā karaṇe ānisamsam dassento **tumhe ca metiādimāha**. Tattha **ahampi tena na ādiyo bhaveyyanti** seyyathāpi nāma vattaparipūrake daharabhikkhū uddesaparipucchāsampanne vassasatikatthere viya ākappasampanne disvā, kassa saddhivihārikā, kassantevāsikāti, asukassāti, “patirūpaṃ therassa, paṭibalo vata ovaditum anusāsitu”nti ācariyupajjhāyā na ādiyā na gārayhā bhavanti, evameva ahampi tena tumhākaṃ dhammadāyādabhāvena no āmisadāyādabhāvena kassa sāvakā nālakaṭṭhapaṭipadam tuvaṭṭakapaṭipadam candūpamaṭipadam rathavinītaṭipadam mahāgosiṅgasālapaṭipadam mahāsuññataṭipadam paṭipannā catupaccayasantosabhāvanārāmaariyavaṃsesu sakkhibhūtā paccayagedhato vivattamānasā abbhā muttacandasamā viharantīti; “samaṇassa gotamassā”ti vutte “sabbaññū vata bhagavā, asakkhi vata sāvake āmisadāyādaṭṭhapaṭipadam chaḍḍāpetvā dhammadāyādaṭṭhapaṭipattipūrake kātu”nti viññūnaṃ na ādiyo na gārayho bhaveyyanti. Evamimasmimṃ pade adhippāyaṃ ṇatvā sesaṃ kaṇhapakkhe vuttanayapaccanīkena veditabbaṃ. Evam imassa ovādassa karaṇe ānisamsam dassetvā idāni taṃ ovādaṃ niyyātentō āha – “tasmā tiha me, bhikkhave...pe... no āmisadāyādā”ti.

30. Evamimaṃ ovādaṃ niyyātetvā idāni tassā dhammadāyādaṭṭhapaṭipattiyā paripūrakāriṃ thometum **idhāhaṃ, bhikkhavi**tiādimāha. Bhagavato hi thomaṇaṃ sutvāpi hontiyeva tadatthāya paṭipajjitāro.

Tattha **idhā**ti nipātaṭipadametaṃ. **Bhuttāvī**ti bhuttavā, katabhattakiccoti vuttaṃ hoti. **Pavāritoti** yāvadaṭṭhapaṭipavāraṇāya pavārito, yāvadaṭṭhaṃ bhuñjitvā paṭikkhattabhojano tittovāti vuttaṃ hoti. Catubbidhā hi pavāraṇā vassaṃvutṭhapaṭipavāraṇā paccayapavāraṇā anatirittapaṭipavāraṇā yāvadaṭṭhapaṭipavāraṇāti. Tattha, “anujānāmi bhikkhave, vassaṃvutṭhānaṃ bhikkhūnaṃ tīhi ṭhānehi pavāretu”nti (mahāva. 209) ayaṃ **vassaṃvutṭhapaṭipavāraṇā**. “Icchāmaṃ, bhante, saṅghaṃ catumāsāṃ bhesajjena pavāretu”nti (pāci. 303) ca “aññatra punapavāraṇāya aññatra niccapavāraṇāya”ti (pāci. 307) ca ayaṃ **paccayapavāraṇā**. “Pavārito nāma asanaṃ paññāyati, bhojanaṃ paññāyati, hatthapāse ṭhito abhiharati, paṭikkhepo paññāyati, eso pavārito nāmā”ti (pāci. 239) ayaṃ **anatirittapaṭipavāraṇā**. “Paññitena khādanīyena bhojanīyena sahatthā santappesi sampavāresī”ti (dī. ni. 1.297, 358) ayaṃ **yāvadaṭṭhapaṭipavāraṇā**. Ayamidha adhippetā. Tena vuttaṃ “pavāritoti yāvadaṭṭhapaṭipavāraṇāya pavārito”ti.

Paripuṇṇoti bhojanena paripuṇṇo. **Pariyositoti** pariyositabhujano, uttarapadalopo daṭṭhabbo. Yāvatakaṃ bhuñjitabbaṃ, tāvatakaṃ bhuttaṃ hoti, avasitā me bhojanakiriyāti attho. **Suhitoti** dhāto, jighacchādukkhābhāvena vā sukhitoti vuttaṃ hoti. **Yāvadatthoti** yāvatako me bhojanena attho, so sabbo pattoti. Ettha ca purimānaṃ tiṇṇaṃ pacchimāni sādhaṅkāni. Yo hi pariyosito, so bhuttāvī hoti. Yo ca suhito, so yāvadatthapavāraṇāya pavārito. Yo yāvadattho, so paripuṇṇoti. Purimāni vā pacchimānaṃ. Yasmā hi bhuttāvī, tasmā pariyosito. Yasmā pavārito, tasmā suhito. Yasmā paripuṇṇo, tasmā yāvadatthoti. Sabbañcetanaṃ parikkappetvā vuttanti veditabbaṃ.

Siyāti ekaṃse ca vikappane ca. “Pathavīdhātu siyā ajjhakkā, siyā bāhirā”ti (ma. ni. 3.349) ekaṃse. “Siyā aññatarassa bhikkhuno āpatti vītikkamo”ti (ma. ni. 3.39) vikappane. Idha ubhayampi vaṭṭati. Atirekova **atirekadhammo**. Tathā **chaḍḍaniya dhammo**. Adhiko ca chaḍḍetabbo ca, na aññaṃ kiñci kātābhoti attho. **Athāti** tamhi kāle. **Jighacchādubbalyaparetāti** jighacchāya ca dubbalyena ca paretā phuṭṭhā anugatā ca atṭhapi dasapi divasāni. Tattha keci jighacchitāpi na dubbalā honti, sakkonti jighacchamaṃ sahituṃ. Ime pana na tādisāti dassetuṃ ubhayamāha. **Tyāhanti** te ahaṃ. **Sace ākaṅkathāti** yadi icchatha.

Appahariteti apparuḥharite, yasmaṃ ṭhāne piṇḍapātajjhottharaṇena vinassanadhammāni tiṇṇāni natthi, tasminti attho. Tena nittinaṅca mahātiṇagahaṇaṃ ca, yattha sakātenapi chaḍḍite piṇḍapāte tiṇṇāni na vinassanti, taṅca ṭhānaṃ pariggahitaṃ hoti. Bhūtagāmasikkhāpadassa hi avikopanatthametamaṃ vuttaṃ.

Appāṇaketi nippāṇake piṇḍapātajjhottharaṇena maritabbapāṇakarahite vā mahāudakakkhandhe. Parittodake eva hi bhattapakkehena ālulite sukhumapāṇakā maranti, na mahātaḷākādīsūti. Pāṇakānurakkhaṇatthañhi etaṃ vuttaṃ. **Opilāpessāmīti** nimujjāpessāmi.

Tatrekassāti tesu dvīsu ekassa. Yo imaṃ dhammadesanaṃ suṭṭhu sutavā punappunaṃ āvajjeti ca, taṃ sandhāyāha **vuttaṃ kho panetanti**. Ayaṃ **vutta**-saddo kesohāraṇepi dissati “kāpaṭiko māṇavo daharo vuttasiro”tiādīsu (ma. ni. 2.426). Ropitepi “yathā sārādikaṃ bījaṃ, khetto vuttaṃ virūhatī”tiādīsu (jā. 1.3.31). Kathitepi “vuttamidamaṃ bhagavatā, vuttamidamaṃ arahatā”tiādīsu. Idha pana kathite daṭṭhabbo. Kathitamaṃ kho panetanti ayañhissa attho. **Āmisaññataranti** catunnaṃ paccayāmisānaṃ aññataraṃ, ekanti attho. **Yadidanti** nipāto, sabbaliṅgavibhattivacanesu tādisova tattha tattha atthato pariṇāmetabbo. Idha panāssa yo esoti attho. Yo eso piṇḍapāto nāma. Idamaṃ āmisaññataranti vuttaṃ hoti. **Yaṃnūnāhanti** sādhu vatāhaṃ. **Evanti** yathā idāni imaṃ khaṇaṃ vītināmemi, evameva rattindivaṃ. **Vītināmeyyanti** khepeyyamaṃ ativattāpeyyamaṃ.

So taṃ piṇḍapātanti so taṃ sadevakena lokena sirasā sampatiçchitabbarūpaṃ sugatātiritampi piṇḍapātaṃ abhuñjitvā dhammadāyādabhāvaṃ ākaṅkhamāno ādittasīsūpamaṃ paccavekkhitvā teneva jighacchādubbalyena evaṃ taṃ rattindivam vītināmeyya.

Atha dutiyassāti imasmim̐ pana vāre esa saṅkhepo, sace so bhikkhu, yaṃnūnāhaṃ...pe... vītināmeyyanti cintento evampi cinteyya, pabbajitena kho vālamigākule araṅṅe bhesajjaṃ viya pañcakāmaguṇavāḷākule gāme piṇḍapātopi dukkhaṃ pariyesitum̐. Ayaṃ pana piṇḍapāto iti pariyesanādīnavavimutto ca sugatātiritto cāti ubhato sujātakhattiyakumāro viya hoti, yehi ca pañcahi kāraṇehi piṇḍapāto na paribhuñjitabbo hoti. Seyyathidaṃ, puggalaṃ garahitvā na paribhuñjitabbo hoti “alajjipuggalassa santako”ti. Aparisuddhappattitāya na paribhuñjitabbo hoti “bhikkhuniparipācanaasantasambhāvanuppanno”ti. Sāmikānukampāya na paribhuñjitabbo hoti “piṇḍapātasāmiko bhikkhu jighacchito”ti. So dhāto tasseva antevāsikādīsū anukampāya na paribhuñjitabbo hoti “antevāsikā aṅṅe vā tappatibaddhā jighacchitā”ti, tepi dhātā suhitā, apica kho assaddhatāya na paribhuñjitabbo hoti “piṇḍapātasāmiko bhikkhu assaddho”ti. Tehi ca kāraṇehi ayaṃ vimutto. Bhagavā hi lajjīnaṃ aggo, parisuddhuppattiko piṇḍapāto, bhagavā ca dhāto suhito, paccāsīsakopi aṅṅo puggalo natthi, ye loke saddhā, bhagavā tesam̐ aggoti evaṃ cintetvā ca so taṃ piṇḍapātaṃ bhuñjitvā...pe... vītināmeyya. Ettāvataṃ yopi abhuñjitvā samaṇadhammaṃ karoti, sopi bhuñjitabbakameva piṇḍapātaṃ na bhutto hoti. Yopi bhuñjitvā samaṇadhammaṃ karoti, sopi bhuñjitabbakameva bhutto hoti. Natthi piṇḍapāte viseso. Puggale pana atthi viseso. Tasmā taṃ dassento **kiñcāpi sotiādīmāha**.

Tattha **kiñcāpīti** anujānanappasaṃsanatthe nipāto. Kiṃ anujānāti? Tassa bhikkhuno taṃ anavajjaparibhogaṃ. Kiṃ pasaṃsati? Bhutvā samaṇadhammakaraṇaṃ. Idaṃ vuttaṃ hoti yadipi so bhikkhu evaṃ bhuñjitabbameva bhuñjitvā kātabbameva kareyya. **Atha kho asueva me purimo bhikkhūti** yo purimo bhikkhu tampi piṇḍapātaṃ paṭikkhipitvā samaṇadhammaṃ karoti, soyeva mama dvīsū sūresu sūrataro viya dvīsū paṇḍitesu paṇḍitataro viya ca pujjataro ca pāsāṃsataro ca, dutiyabhikkhuto atirekena pūjanīyo ca pasaṃsanīyo cāti vuttaṃ hoti.

Idāni tamatthaṃ kāraṇena sādheṃto **taṃ kissa hetūtiādīmāha**. Tassattho, tattha siyā tumhākaṃ, kasmā so bhikkhu bhagavato pujjataro ca pāsāṃsataro cāti? **Taṅhi tassāti** yasmā taṃ piṇḍapātaṃ paṭikkhipanaṃ tassa bhikkhuno dīgharattam̐ appicchatāya...pe... vīriyārambhāya saṃvattissati. Kathaṃ? Tassa hi sace aparena samayena paccayesu atricchatā vā pāpicchatā vā mahicchatā vā uppajjissati. Tato naṃ iminā piṇḍapātaṃ paṭikkhepaṅkusena nivāressati “are tvam̐ sugatātiritampi

piṇḍapātamaṃ paṭikkhipitvā īdisamaṃ icchamaṃ uppādesī”ti evamaṃ paccavekkhamāno. Esa nayo asantuttḥiyā asaṃlekhasa cuppanassa nivāraṇe. Evamaṃ tāvassa appicchatāya santuttḥiyā saṃlekhāya saṃvattissati.

Subharatāyāti ettha ayaṃ saṃvaṇṇanā – idhekacco attanopi upatṭhākānampi dubbhara hoti dupposo. Ekacco attanopi upatṭhākānampi subhara hoti suposo. Kathamaṃ? Yo hi ambilādīni laddhā anambilādīni pariyesati, aññaṃ ghare laddhamaṃ aññaṃ ghare chaḍḍento sabbamaṃ gāmaṃ vicaritvā rittapattova vihāraṃ pavisitvā nipajjati, ayaṃ attano dubbhara. Yo pana sālīmaṃsodanādīnaṃ patte pūretvā dinnepi dummukhabhāvaṃ anattamanabhāvameva ca dasseti, tesamaṃ vā sammukhāva taṃ piṇḍapātamaṃ “kiṃ tumhehi dinna”nti apasādentō sāmaṇeragahaṭṭhādīnampi deti, ayaṃ upatṭhākānaṃ dubbhara. Etaṃ disvā manussā dūrato parivajjanti dubbhara bhikkhu na sakkā positunti. Yo pana yaṃkiñci lūkhamaṃ vā paṇītaṃ vā laddhā tuṭṭhacittova bhuñjitvā vihāraṃ gantvā attano kammaṃ karoti, ayaṃ attano subhara. Yo ca paresampi appamaṃ vā bahumaṃ vā lūkhamaṃ vā paṇītaṃ vā dānaṃ ahīletvā attamano vippasannamukho hutvā tesamaṃ sammukhāva paribhuñjitvā yāti, ayaṃ upatṭhākānaṃ subhara. Etaṃ disvā manussā ativiya vissatthā honti – “amhākaṃ bhadanto subhara thokenapi tussati, mayameva naṃ posissāmā”ti paṭiññaṃ katvā posenti.

Tattha sace aparena samayena assa attano vā upatṭhākānaṃ vā dubbharatānayaena cittaṃ uppajjissati. Tato naṃ iminā piṇḍapātaṃ paṭikkhipitvā īdisamaṃ cittaṃ uppādesī”ti evamaṃ paccavekkhamāno, evamassa subharatāya saṃvattissati. Sace panassa kosajjamaṃ uppajjissati, tampi etenevaṅkusena nivāressati – “are tvamaṃ sugatātirittampi piṇḍapātaṃ paṭikkhipitvā īdisamaṃ cittaṃ uppādesī”ti evamaṃ paccavekkhamāno, evamassa subharatāya saṃvattissati. Sace panassa kosajjamaṃ uppajjissati, tampi etenevaṅkusena nivāressati – “are tvamaṃ nāma tadā sugatātirittampi piṇḍapātaṃ paṭikkhipitvā tathā jighacchādubbalyaparetopi samaṇadhammaṃ katvā ajja kosajjamaṃ anuyuñjasī”ti evamaṃ paccavekkhamāno, evamassa vīriyārambhāya saṃvattissati. Evamassa idaṃ piṇḍapātaṃ paṭikkhipanaṃ dīgharattaṃ appicchatāya...pe... vīriyārambhāya saṃvattissati. Evamassime pañca guṇā paripūrā dasa kathāvatthūni paripūressanti.

Kathamaṃ? Atra hi pāliyaṃyeva appicchatāasantuttḥitāvīriyārambhavasena tīṇi āgatāni, sesāni sallekhena saṅgahitāni. Idañhi sabbakathāvatthūnaṃ nāmaeva, yadidaṃ sallekho. Yathāha – “yā ca kho ayaṃ, ānanda, kathā abhisallekhikā cetovinīvaraṇasappāyā ekantanibbidāya virāgāya nirodhāya upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati. Seyyathidaṃ, appicchakathā”ti (ma. ni. 3.189, 192) vitthāro. Evamaṃ ime pañca guṇā paripūrā dasa kathāvatthūni paripūressanti. Dasa kathāvatthūni paripūrāni tisso sikkhā paripūressanti.

Kathaṃ? Etesu hi appicchakathā santosakathā asaṃsaggakathā sīlakathāti imā catasso kathā adhisīlasikkhāsaṅgahitāyeva. Pavivekakathā vīriyārambhakathā samādhikathāti imā tisso adhicitasikkhāsaṅgahitā. Paññākathā vimuttikathā vimuttiñāṇadassanakathāti imā tisso adhipaññāsikkhāsaṅgahitāti. Evaṃ dasa kathāvatthūni paripūrāni tisso sikkhā paripūressanti. Tisso sikkhā paripūrā pañca asekkhadhammakhandhe paripūressanti.

Kathaṃ? Paripūrā hi adhisīlasikkhā asekkho sīlakkhandhoyeva hoti, adhicitasikkhā asekkho samādhikkhandho, adhipaññāsikkhā asekkhā paññāvimutti-vimuttiñāṇadassanakhandhā evāti evaṃ tisso sikkhā paripūrā pañca asekkhadhammakhandhe paripūressanti. Pañca dhammakhandhā paripūrā amataṃ nibbānaṃ paripūressanti. Seyyathāpi uparipabbate pāvussako mahāmegho abhivutṭho pabbatakandarasarasākhā paripūreti. Tā paripūrā kusobbhe, kusobbhā mahāsobbhe, mahāsobbhā kunnadiyo, kunnadiyo mahānadiyo, mahānadiyo mahāsamuddasāgaram paripūrenti; evameva tassa bhikkhuno ime pañca guṇā paripūrā dasa kathāvatthuni ādiṃ katvā yāva amataṃ nibbānaṃ paripūressanti. Evamayam bhikkhu dhammadāyādapāṭipadaṃ paṭipanno paramadhammadāyādaṃ labhatīti etamatthaṃ sampassamāno bhagavā “taṃ kissa hetu tañhi tassa, bhikkhave, bhikkhuno” tiādimāha.

Evaṃ tassa bhikkhuno pujjatarapāsaṃsatarabhāvaṃ kāraṇena sādhetvā idāni te bhikkhū tathattāya sanniyojento **tasmā tiha me bhikkhavi**tiādimāha. Kiṃ vuttaṃ hoti, yasmā yo taṃ piṇḍapātaṃ bhuñjitvā samaṇadhammaṃ kareyya, so imehi pañcahi mūlaguṇehi paribāhiro. Yo pana abhuñjitvā kareyya, so imesaṃ bhāgī hoti – “tasmā tiha me, bhikkhave...pe... no āmisadāyādā” ti.

Idamavoca bhagavāti idaṃ nidānapariyosānato pabhuti yāva no āmisadāyādāti suttappadesaṃ bhagavā avoca. **Idaṃ vatvāna sugatoti** idañca suttappadesaṃ vatvāva sobhanāya paṭipadāya gatattā **sugatoti** saṅkhaṃ pattoyeva bhagavā. **Uṭṭhāyāsana vihāraṃ pāvisi** paññattavarabuddhāsanato uṭṭhahitvā vihāraṃ attano mahāgandhakuṭiṃ pāvisi asambhinnāya eva parisāya. Kasmā dhammathomanatthaṃ.

Buddhā kira apariniṭṭhitāya desanāya vihāraṃ pavisantā dvīhi kāraṇehi pavisanti puggalathomanatthaṃ vā dhammathomanatthaṃ vā. Puggalathomanatthaṃ pavisanto evaṃ cintesi – “imaṃ mayā saṅkhittena uddesaṃ uddiṭṭhaṃ, vitthārena avibhattaṃ, dhammapaṭiggāhakā bhikkhū uggahetvā ānandaṃ vā kaccānaṃ vā upasaṅkamitvā pucchissanti, te mayhaṃ ñāṇena saṃsandetvā kathessanti, tato dhammapaṭiggāhakā puna maṃ pucchissanti, tesaṃ ahaṃ sukathitaṃ, bhikkhave, ānandena sukathitaṃ kaccānena, maṃ cepi tumhe

etamattham puccheyyātha, ahampi nam evameva byākareyyanti evam te puggale thomessāmi, tato tesu gāravam janetvā bhikkhū upasaṅkamissanti, tepi bhikkhū atthe ca dhamme ca niyojessanti, te tehi niyojitā tisso sikkhā paripūrentā dukkhassantaṃ karissanti’ ti.

Dhammathomanattham pavisanto evam cintesi, yathā idheva cintesi – ‘mayi vihāram pavitṭhe tameva āmisadāyādam garahanto dhammadāyādañca thomento imissamyeva parisati nisinno sārīputto dhammam desessati, evam dvinnampi amhākam ekajjhāsāyāya matiyā desitā ayam desanā aggā ca garukā ca bhavissati pāsānacchattasadisā. Caturghanittharaṇaṭṭhena titthe ṭhapitā nāvā viya maggagamaṇaṭṭhena catuyuttaājaññaratho viya ca bhavissati. Yathā ca ‘evam karontassa ayam daṇḍo’ ti parisati āṇam ṭhapetvā utṭhāyāsanā pāsādam āruḷhe rājini tattheva nisinno senāpati taṃ raññā ṭhapitaṃ āṇam pavatteti; evampi mayā ṭhapitaṃ desanaṃ imissamyeva parisati nisinno sārīputto thometvā desessati, evam dvinnampi amhākam matiyā desitā ayam desanā balavatarā majjhanhikasūriyo viya pajjalissati’ ti. Evamidha dhammathomanattham utṭhāyāsanā vihāram pāvisi.

Īdisesu ca ṭhānesu bhagavā nisinnāsaneyeva antarahito cittagatiyā vihāram pavisatīti veditabbo. Yadi hi kāyagatiyā gaccheyya, sabbā parisā bhagavantaṃ parivāretvā gaccheyya, sā ekavāram bhinnā puna dussannipātā bhaveyyāti bhagavā cittagatiyā eva pāvisi.

31. Evam pavitṭhe pana bhagavati bhagavato adhippāyānurūpaṃ taṃ dhammam thometukāmo **tatra kho āyasmā sārīputto...pe...etadavoca.** Tattha **āyasmā** piyavacanametam. **Sārīputtoti** tassa therassa nāmaṃ, tañca kho mātito, na pitito. Rūpasāriyā hi brāhmaṇiyā so putto, tasmā sārīputtoti vuccati. **Acirapakkantassāti** pakkantassa sato nacirena. **Āvuso, bhikkhaveti** ettha pana buddhā bhagavanto sāvake ālapantā bhikkhaveti ālapanti. Sāvakā pana buddhehi sadisā mā homāti āvusoti paṭhamaṃ vatvā pacchā bhikkhaveti bhaṇanti. Buddhehi ca ālapito bhikkhusaṅgho bhadanteti paṭivacanaṃ deti, sāvakehi āvusoti.

Kittāvatā nu kho, āvusoti ettha **kittāvatāti** paricchedavacanaṃ, kittakenāti vuttaṃ hoti. **Nukāro** pucchāyam. **Khokāro** nipātamattaṃ. **Satthu pavivittassa viharatoti**, tīhi vivekehi kāyacittaupadhivivekehi satthuno viharantassa. **Vivekaṃ nānusikkhantīti** tiṇṇaṃ vivekānaṃ aññatarampi nānusikkhanti, āmisadāyādāva hontīti imamattham āyasmā sārīputto bhikkhū pucchi. Esa nayo sukkapakkhepi.

Evam vutte tamattham sotukāmā bhikkhū **dūratopi khoti**ādīmāhamsu. Tattha **dūratopīti** tirotaṭṭhatopi tirojanapadatopi anekayojanagaṇanatotīti vuttaṃ hoti. **Santiketi** samīpe. **Aññātuntī** jānitum bujjhitum. **Āyasmantaṃ ye va sārīputtaṃ**

paṭibhātūti āyasmatoyeva sārīputtassa bhāgo hotu, āyasmā pana sārīputto attano bhāgaṃ katvā vibhajatūti vuttaṃ hoti. Āyasmato hi bhāgo yadidaṃ atthakkhānaṃ, amhākaṃ pana savanaṃ bhāgoti ayamettha adhippāyo, evaṃ saddalakkhaṇena sameti. Keci pana bhaṇanti “paṭibhātūti dissatū”ti. Apare “upaṭṭhātū”ti. **Dhāressantī**ti uggahessanti pariyāpuṇissanti. Tato nesam kathetukāmo thero **tena hīti**ādīmāha. Tattha **tenā**ti kāraṇavacanaṃ. **Hikāro** nipāto. Yasmā sotukāmāttha, yasmā ca mayhaṃ bhāraṃ āropayittha, tasmā suṇāthāti vuttaṃ hoti. Tepi bhikkhū therassa vacanaṃ sampaṭicchimsu, tenāha “evamāvusoti...pe...paccassosu”nti.

Atha nesam, āmisadāyādaṃ garahantena bhagavatā “tumhepi tena ādiyā bhaveyyāthā”ti ekenevākārena vuttamatthaṃ tīhi ākārehi dassento āyasmā sārīputto etadavoca – “idhāvuso, satthu pavivittassa viharato...pe... ettāvatā kho, āvuso, satthu pavivittassa viharato sāvakaṃ vivekaṃ nānusikkhantī”ti.

Ettāvatā yañca bhagavā āmisadāyādapaṭipadaṃ garahanto “tumhepi tena ādiyā bhaveyyāthā”ti āha, yañca attanā puccham pucchi “kittāvatā nu kho...pe... nānusikkhantī”ti, tassa vitthārato attho suvibhatto hoti. So ca kho bhagavato ādiyabhāvaṃ anāmasitvāva. Bhagavatoyeva hi yuttaṃ sāvake anuggaṇhantassa “ahampi tena ādiyo bhavissāmī”ti vattum, na sāvakaṇaṃ. Esa nayo sukkapakkehpi, ayam tāvetha anusandhikkamayojanā.

Ayam panatthavaṇṇanā **idhā**ti imasmim sāsane, **satthu pavivittassā**ti satthuno tīhi vivekehi accantapavivittassa. **Vivekaṃ nānusikkhantī**ti kāyavivekaṃ nānusikkhanti, na paripūrentīti vuttaṃ hoti. Yadi pana tividhaṃ vivekaṃ sandhāya vadeyya, pucchāya aviseso siyā. Byākaraṇapakkho hi ayam. Tasmā iminā padena kāyavivekaṃ, “yesañca dhammāna”ntiādinā cittavivekaṃ, “bāhulikā”tiādinā upadhivivekañca dassetīti evamettha saṅkhepato attho veditabbo.

Yesañca dhammānanti lobhādayo sandhāyāha, ye parato “tatrāvuso lobho ca pāpako”tiādinā nayena vakkhati. **Nappajahantī**ti na pariccajanti, cittavivekaṃ na paripūrentīti vuttaṃ hoti. **Bāhulikā**ti cīvarādibāhullāya paṭipannā. Sāsanaṃ sithilaṃ gaṇhantīti **sāthalikā**. **Okkamaṇe pubbaṅgamā**ti ettha **okkamaṇaṃ** vuccanti avagamaṇatṭhena pañca nīvaraṇāni, tena pañcanīvaraṇapubbaṅgamāti vuttaṃ hoti. **Paviveketi** upadhiviveke nibbāne. **Nikkhattadhurā**ti oropitadhurā, tadadhigamāya ārambhampi akurumānāti, ettāvatā upadhivivekaṃ na paripūrentīti vuttaṃ hoti.

Ettāvatā aniyameneva vatvā idāni desanaṃ niyamento “tatrāvuso”tiādimāha. Kasmā? Sāvaka “tīhi ṭhānehī”ti evañhi aniyamētvāva vuccamāne “kampī maññe bhaṇati, na amhe”ti udāsināpi honti. “Therā navā majjhimā”ti evaṃ pana niyamētvā vuccamāne amhe bhaṇatīti ādaraṃ karonti. Yathā raññā “amaccehi

nagaravīthiyo sodhetabbā”ti vuttepi “kena nu kho sodhetabbā”ti maññamānā na sodhenti, attano attano gharadvāraṃ sodhetabbanti pana bheriyā nikkhantāya sabbe muhuttana sodhenti ca alaṅkaronti ca, evaṃsampadamidaṃ veditabbaṃ.

Tattha **tatrā**ti tesu sāvakesu. **Therā**ti dasavasse upādāya vuccanti. **Tīhi** **ṭhānehī**ti tīhi kāraṇehi. Ayañhi ṭhānasaddo issariyatṭhitikhaṇakāraṇesu dissati. “Kiṃ panāyasmā devānamindo kammaṃ katvā imaṃ ṭhānaṃ patto”tiādīsu hi issariye dissati. “Ṭhānakusalo hoti akkhaṇavedhī”tiādīsu ṭhitiyaṃ. “Ṭhānasovetaṃ tathāgataṃ paṭibhātī”tiādīsu (ma. ni. 2.87) khaṇe. “Ṭhānañca ṭhānato aṭṭhānañca aṭṭhānato”tiādīsu (vibha. 809; ma. ni. 1.148) kāraṇe. Idha pana kāraṇeyeva. Kāraṇaṃhi yasmā tattha phalaṃ tiṭṭhati tadāyattavuttibhāvena, tasmā ṭhānanti vuccati.

Iminā paṭhamena ṭhānena therā bhikkhū gārayhāti ettha gārayhāti garahitabbā. **Therā** nāma samānā araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni na upenti, gāmantasenāsaṇaṃ na muñcanti, saṅgaṇikārāmataṃ vaḍḍhentā viharanti, kāyavivekampi na paripūrenti, navamajjhimakāle kīdisā ahesunti evaṃ ninditabbā honti, imaṃ nindaṃ āvuso labhantīti dasseti. **Dutiyena ṭhānenāti** etthāpi ime nāma āvuso therāpi samānā yesaṃ dhammānaṃ sathā pahānamāha, te lobhādidhamme na jahanti, accharāsaṅghātamattampi ekamantaṃ nisīditvā cittekaggataṃ na labhanti, navamajjhimakāle kīdisā ahesunti evaṃ ninditabbā honti, imaṃ nindaṃ āvuso labhantīti dasseti evaṃ yojanā kātabbā. **Tatiyena ṭhānenāti** etthāpi ime nāmāvuso, therāpi samānā itarītarena na yāpenti, cīvarapattasenāsanapūtikāyamaṇḍanānuyogamanuyuttā viharanti upadhivivekaṃ apūrayamānā, navamajjhimakāle kīdisā ahesunti evaṃ ninditabbā honti, imaṃ nindaṃ, āvuso, labhantīti dasseti evaṃ yojanā veditabbā. Esa nayo majjhimanavavāresu.

Ayaṃ pana viseso. **Majjhimāti** pañcavasse upādāya yāva nava vassā vuccanti. **Navāti** ūnapañcavassā vuccanti. Yathā ca tattha navamajjhimakāle kīdisā ahesunti vuttaṃ, evamidha navakāle kīdisā ahesuṃ, therakāle kīdisā bhavissanti, majjhimatherakāle kīdisā bhavissantīti vatvā yojetabbaṃ.

32. Imasmiñca kaṇhapakkhe vuttapaccanīkanayena sukkapakkhe attho veditabbo. Ayaṃ panettha saṅkhepo. Ime vata therāpi samānā yojanaparamparāya araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni sevanti, gāmantasenāsaṇaṃ upagantaṃ yuttakālepi na upagacchanti, evaṃ jīṇṇasarīrāpi āraddhavīriyā paccayadāyakānaṃ pasādaṃ janenti, navamajjhimakāle kīdisā ahesunti iminā paṭhamena ṭhānena therā pāsamsā bhavanti, pasamsaṃ labhanti. Lobhādayo pahāya cittavivekaṃ pūrenti, ayampi mahāthero saddhivihārikaantevāsikaparivārīto hutvā nisīdituṃ yuttakālepi

īdisepi vaye vattamāne bhattakiccaṃ katvā pavitṭho sāyaṃ nikkhamati, sāyaṃ pavitṭho pāto nikkhamati, kasiṇaparikkammaṃ karoti, samāpattiyo nibbatteti, maggaphalāni adhigacchati, sabbathāpi cittavivekaṃ pūretīti iminā dutiyena ṭhānena therā bhikkhū pāsaṃsā bhavanti, pasamsaṃ labhanti. Yasmaṃ kāle therassa paṭṭadukūlakoseyyādīni sukhasamphassāni lahucīvarādīni yuttāni, tasmimpi nāma kāle ayaṃ mahāthero paṃsukūlāni dhāreti, asithilaṃ sāsaṇaṃ gahetvā vigatanīvaraṇo phalasaṃpattiṃ appetvā upadhivivekaṃ paripūrayamāno viharati, navamajjhimaṃ kāle kīdiso ahoṣīti iminā tatiyena ṭhānena therā pāsaṃsā bhavanti, pasamsaṃ labhantīti. Esa nayo majjhimanavavāresu.

33. Tatrāvusoti ko anusandhi, evaṃ navahākārehi āmisadāyādapaṭipadaṃ garahanto, navahi dhammadāyādapaṭipadaṃ thomento, atṭhārasahākārehi desanaṃ niṭṭhāpetvā, ye te “yesaṅca dhammaṇaṃ sathā pahānamāha, te ca dhamme na pajahantī”ti evaṃ pahātabbadhammā vuttā. Te sarūpato “ime te”ti dassetumidaṃ “tatrāvuso, lobho cā”tiādīmāha, ayaṃ anusandhi.

Apica heṭṭhā pariyāyeneva dhammo kathito. Āmiṣaṃ pana pariyāyenapi nippariyāyenapi kathitaṃ. Idāni nippariyāyadhammaṃ lokuttaramaggaṃ kathetumidaṃ māha. Ayaṃ pettha anusandhi.

Tattha **tatrāti** atītadesanānidassanaṃ, “satthu pavivittassa viharato sāvakā vivekaṃ nānusikkhantī”tiādīnā nayena vuttadesanāyanti vuttaṃ hoti. **Lobho ca pāpako, doso ca pāpakoti** ime dve dhammā pāpakā lāmakā, ime pahātabbāti dasseti. Tattha lubbhanalakkhaṇo **lobho**. Dussanalakkhaṇo **doso**. Tesu lobho āmisadāyādassa paccayānaṃ lābhe hoti, doso alābhe. Lobhena aladdhaṃ pattheti, dosena alabhanto vighātavā hoti. Lobho ca deyyadhamme hoti, doso adāyake vā amanuññadāyake vā. Lobhena navataṇhāmūlake dhamme paripūreti, dosena pañca macchariyāni.

Idāni tesam pahānūpāyaṃ dassento **lobhassa ca pahānāyāti**ādīmāha. Tassattho, tassa pana pāpakassa lobhassa ca dosassa ca pahānāya. **Atthi majjhima paṭipadāti** maggaṃ sandhāya idaṃ vuttaṃ. Maggo hi lobho eko anto, doso eko antoti ete dve ante na upeti, na upagacchati, vimutto etehi antehi, tasmā “majjhima paṭipadā”ti vuccati. Etesam majjhe bhavattā “**majjhima, paṭipajjitabbato ca paṭipadāti**. Tathā kāmasukhallikānuyogo eko anto, attakilamathānuyogo eko anto, sassataṃ eko anto, ucchedo eko antoti purimanayeneva vitthāretabbaṃ.

Cakkhukaraṇītiādīhi pana tameva paṭipadaṃ thometi. Sā hi saccānaṃ dassanāya saṃvattati dassanaparīṇāyakaṭṭhenāti **cakkhukaraṇī**. Saccānaṃ ṇāṇāya saṃvattati viditakaraṇaṭṭhenāti **ñāṇakaraṇī**. Rāgādīnaṅca vūpasamanato

upasamāya saṃvattati. Catunnampi saccānaṃ abhiññeyyabhāvadassanato **abhiññāya saṃvattati.** **Sambodhoti** maggo, tassatthāya saṃvattanato **sambodhāya saṃvattati.** Maggoyeva hi maggatthāya saṃvattati maggena kātabbakiccakaraṇato. **Nibbānaṃ** nāma appaccayaṃ tassa pana sacchikiriyāya paccakkhakammāya saṃvattanato **nibbānāya saṃvattatīti** vuccati. Ayamettha sāro. Ito aññathā vaṇṇanā papañcā.

Idāni taṃ majjhimam paṭipadam sarūpato dassetukāmo “katamā ca sā”ti pucchitvā “ayamevā”tiādinā nayena vissajjeti.

Tattha **ayamevāti** avadhāraṇavacanam, aññamaggappaṭisedhanattham, buddhapacceka**buddhabuddhasāvaka**naṃ sādharma**abhāvadassan**atthañca. Vuttañcetam “eseva maggo natthañño dassanassa visuddhiyā”ti (dha. pa. 274). Svāyaṃ kilesānaṃ ārakattāpi **ariyo.** Aripahānāya saṃvattatītipi ariyena desitotipi ariyabhāvappaṭilābhāya saṃvattatītipi ariyo. Aṭṭhahi aṅgehi upetattā **aṭṭhaṅgiko,** na ca aṅgavinimutto pañcaṅgikatūriyādīni viya. Kilese mārento gacchati, maggati vā nibbānaṃ, maggīyati vā nibbānatthikehi, gammati vā tehi paṭipajjīyatīti **maggo.** **Seyyathidanti** nipāto, tassa katamo so iti ceti attho, katamāni vā tāni aṭṭhaṅgānīti. Ekamekañhi aṅgam maggoyeva. Yathāha “sammādiṭṭhi maggo ceva hetu cā”ti (dha. sa. 1039). Porāṇāpi bhaṇanti – “dassanamaggo sammādiṭṭhi, abhiniropanamaggo sammāsaṅkappo...pe... avikkhepamaggo sammāsamādhi”ti.

Sammādiṭṭhādīsu cetesu sammā dassanalakkhaṇā **sammādiṭṭhi.** Sammā abhiniropanalakkhaṇo **sammāsaṅkappo.** Sammā pariggahalakkhaṇā **sammāvācā.** Sammā samuṭṭhānalakkhaṇo **sammākammanto.** Sammā vodānalakkhaṇo **sammāājīvo.** Sammā paggahalakkhaṇo **sammāvāyāmo.** Sammā upaṭṭhānalakkhaṇā **sammāsaṭi.** Sammā samādhānalakkhaṇo **sammāsamādhi.** Nibbacanampi nesaṃ sammā passatīti **sammādiṭṭhīti** eteneva nayena veditabbaṃ.

Tattha sammādiṭṭhi uppajjamānā micchādiṭṭhiṃ tappaccanīyakilese ca avijjañca pajahati, nibbānañca ārammaṇam karoti, sampayuttadhamme ca passati, te ca kho asamohato, no ārammaṇato, tasmā “sammādiṭṭhī”ti vuccati.

Sammāsaṅkappo micchāsaṅkappaṃ tappaccanīyakilese ca pajahati, nibbānañca ārammaṇam karoti, sampayuttadhamme ca sammā abhiniropeti, tasmā “sammāsaṅkappo”ti vuccati.

Sammāvācā micchāvācam tappaccanīyakilese ca pajahati, nibbānañca ārammaṇam karoti, sampayuttadhamme ca sammā pariggaṇhāti, tasmā “sammāvācā”ti vuccati.

Sammākammanto micchākammantaṃ tappaccanīyakilese ca pajahati, nibbānañca ārammaṇaṃ karoti, sampayuttadhamme ca sammā samuṭṭhāpeti, tasmā “sammākammanto”ti vuccati.

Sammāājīvo micchāājīvaṃ tappaccanīyakilese ca pajahati, nibbānañca ārammaṇaṃ karoti, sampayuttadhamme ca sammā vodāpeti, tasmā “sammāājīvo”ti vuccati.

Sammāvāyāmo micchāvāyāmaṃ tappaccanīyakilese ca kosajjañca pajahati, nibbānañca ārammaṇaṃ karoti, sampayuttadhamme ca sammā paggaṇhāti, tasmā “sammāvāyāmo”ti vuccati.

Sammāsati micchāsatiṃ tappaccanīyakilese ca pajahati, nibbānañca ārammaṇaṃ karoti, sampayuttadhamme ca sammā upaṭṭhāpeti, tasmā “sammāsati”ti vuccati.

Sammāsamādhi micchāsamādhiṃ tappaccanīyakilese ca uddhaccañca pajahati, nibbānañca ārammaṇaṃ karoti, sampayuttadhamme ca sammā samādhiyati, tasmā “sammāsamādhi”ti vuccati.

Idāni **ayam kho sā, āvusoti** tameva paṭipadaṃ nigamanto āha. Tassattho, yvāyaṃ cattāropi lokuttaramagge ekato katvā kathito “aṭṭhaṅgiko maggo”, ayam kho sā, āvuso...pe... nibbānāya saṃvattaṭīti.

Evam pahātabbadhammesu lobhadose tappahānupāyañca dassetvā idāni aññepi pahātabbadhamme tesam pahānupāyañca dassento **tatrāvuso, kodho cāti**ādīmāha. Tattha kujjhanalakkhaṇo **kodho**, caṇḍikkalakkhaṇo vā, āghātakaraṇaraso, dussanapaccupaṭṭhāno. Upanandhanalakkhaṇo **upanāho**, vera appaṭinissajjanaraso, kodhānupabandhabhāvapaccupaṭṭhāno. Vuttañcetaṃ – “pubbakāle kodho, aparakāle upanāho”tiādi (vibha. 891).

Paraguṇamakkhanalakkhaṇo **makkho**, tesam vināsanaraso, tadavacchādanapaccupaṭṭhāno. Yugaggāhalakkhaṇo **paḷāso**, paragūṇehi attano guṇānaṃ samīkaraṇaraso, paresam guṇappamāṇena upaṭṭhānapaccupaṭṭhāno.

Parasampattikhīyanalakkhaṇā **issā**, tassā akkhamanalakkhaṇā vā, tattha anabhiratirasā, tato vimukhabhāvapaccupaṭṭhānā. Attano sampattinigūhanalakkhaṇaṃ **maccheram**, attano sampattiyā parehi sādharmaṇabhāvaasukhāyanarasaṃ, saṅkocanapaccupaṭṭhānaṃ.

Katapāpapaṭicchādanalakkhaṇā **māyā**, tassa nigūhanarasā, tadāvaraṇapaccupaṭṭhānā. Attano avijjamānaguṇapakāsanalakkhaṇaṃ **sāṭheyyaṃ**, tesam samudāharaṇarasam, sarīrākārehipi tesam vibhūtakaraṇapaccupaṭṭhānaṃ.

Cittassa uddhumātabhāvalakkhaṇo **thambho**, appatissayavuttiraso, amaddavatāpaccupaṭṭhāno. Karaṇuttariyalakkhaṇo **sārambho**, vipaccanīkatāraso, agāravapaccupaṭṭhāno.

Uṇṇatilakkhaṇo **māno**, ahaṃkāraraso, uddhumātabhāvapaccupaṭṭhāno. Abbuṇṇatilakkhaṇo **atimāno**, ativiya ahaṃkāraraso. Accuddhumātabhāvapaccupaṭṭhāno.

Mattabhāvalakkhaṇo **mado**, madaggāhaṇaraso, ummādapaccupaṭṭhāno. Pañcasu kāmaguṇesu cittavossaggalakkhaṇo **pamādo**, vossaggānuppadānaraso, sativippavāsapaccupaṭṭhānoti evaṃ imesaṃ dhammānaṃ lakkhaṇādīni veditabbāni. Ayamettha saṅkhepo, vitthāro pana “tattha katamo kodho”tiādinaṃ **vibhaṅge** (vibha. 891) vuttanayeneva veditabbo.

Visesato cettha āmisadāyādo attanā alabhanto aññassa lābhino kujjhati, tassa sakim uppanno kodho **kodhoyeva**, tatuttari **upanāho**. So evaṃ kuddho upanayhanto ca santepi aññassa lābhino guṇe makkheti, ahampi tādisoti ca yugaggāhaṃ gaṇhāti, ayamassa makkho ca paḷāso ca, evaṃ makkhī paḷāsī tassa lābhasakkārādīsu kim imassa imināti issati padussati, ayamassa **issā**. Sace panassa kāci sampatti hoti, tassā tena sādharmaṇabhāvaṃ na sahati, idamassa **maccheraṃ**. Lābhahetu kho pana attano santepi dose paṭicchādeti, ayamassa **māyā**. Asantepi guṇe pakāseti. Idamassa **sāṭheyyaṃ**. So evaṃ paṭipanno sace yathādhippāyaṃ lābhaṃ labhati, tena thaddho hoti amuducitto, nayidaṃ evaṃ kātābbanti ovadituṃ asakkuṇeyyo, ayamassa **thambho**. Sace pana naṃ koci kiñci vadati “nayidaṃ evaṃ kātābba”nti, tena sāraddhacitto hoti bhākuṭīkamukho “ko me tva”nti pasayha bhānī, ayamassa **sārambho**. Tato thambhena “ahameva seyyo”ti attānaṃ maññanto mānī hoti. Sārambhena “ke ime”ti pare atimaññanto atimānī, ayamassa **māno** ca **atimāno** ca. So tehi mānātimānehi jātimadādiānekarūpaṃ madaṃ janeti. Matto samāno kāmaguṇādibhedesu vatthūsu pamajjati, ayamassa **mado** ca **pamādo** cāti.

Evaṃ āmisadāyādo aparimutto hoti imehi pāpakehi dhammehi aññehi ca evarūpehi. Evaṃ tāvettha pahātabbhadhammā veditabbā. Pahānupāyo pāṭhato ca atthato ca sabbattha nibbisesoyeva.

Ñāṇaparicayapāṭavattamaṃ panettha ayaṃ bhedo ca kamo ca bhāvanānayo ca veditabbo. Tattha **bhedo** tāva, ayañhi majjhimā paṭipadā kadāci ariyo aṭṭhaṅgiko

maggo hoti, kadāci sattaṅgiko. Ayañhi lokuttarapaṭhamajjhānavasena uppajjamāno aṭṭhaṅgiko maggo hoti, avasesajjhānavasena sattaṅgiko. Ukkatṭhaniddesato panidha aṭṭhaṅgikoti vutto. Ito parañhi maggaṅgaṃ natthi. Evaṃ tāvettha bhedo veditabbo.

Yasmā pana sabbakusalānaṃ sammādiṭṭhi seṭṭhā, yathāha “paññā hi seṭṭhā kusalā vadantī”ti (jā. 2.17.81). Kusalavāre ca pubbaṅgamā, yathāha “kathañca, bhikkhave, sammādiṭṭhi pubbaṅgamā hoti, sammādiṭṭhiṃ sammādiṭṭhīti pajānāti, micchādiṭṭhiṃ micchādiṭṭhīti pajānāti”ti (ma. ni. 3.136) vitthāro. Yathā cāha “vijjā ca kho, bhikkhave, pubbaṅgamā kusalānaṃ dhammānaṃ samāpattiyā”ti. Tappabhavābhiniḃbattāni sesaṅgāni, yathāha “sammādiṭṭhissa sammāsaṅkappo pahoti...pe... sammāsatissa sammāsamādhi pahoti”ti (ma. ni. 3.141). Tasmā iminā kamena etāni aṅgāni vuttānīti evamettha **kamo** veditabbo.

Bhāvanānayoti koci samathapubbaṅgamaṃ vipassanaṃ bhāveti, koci vipassanāpubbaṅgamaṃ samathaṃ. Kathaṃ? Idhekacco paṭhamam upacārasamādhiṃ vā appanāsamādhiṃ vā uppādeti, ayaṃ samatho; so tañca taṃsampayutte ca dhamme aniccādīhi vipassati, ayaṃ vipassanā. Iti paṭhamam samatho, pacchā vipassanā. Tena vuccati “samathapubbaṅgamaṃ vipassanaṃ bhāveti”ti. Tassa samathapubbaṅgamaṃ vipassanaṃ bhāvayato maggo sañjāyati, so taṃ maggaṃ āsevati bhāveti bahulīkaroti, tassa taṃ maggaṃ āsevato bhāvayato bahulīkaroto saṃyojanāni pahīyanti, anusayā byantīhonti, evaṃ samathapubbaṅgamaṃ vipassanaṃ bhāveti.

Idha panekacco vuttappakāraṃ samathaṃ anuppādetvāva pañcupādānakkhandhe aniccādīhi vipassati, ayaṃ vipassanā. Tassa vipassanāpāripūriyā tattha jātānaṃ dhammānaṃ vossaggārammaṇato uppajjati cittassa ekaggatā, ayaṃ samatho. Iti paṭhamam vipassanā pacchā samatho. Tena vuccati “vipassanāpubbaṅgamaṃ samathaṃ bhāveti”ti. Tassa vipassanāpubbaṅgamaṃ samathaṃ bhāvayato maggo sañjāyati, so taṃ maggaṃ āsevati...pe... bahulīkaroti, tassa taṃ maggaṃ āsevato...pe... anusayā byantīhonti (a. ni. 4.170; paṭi. ma. 2.1), evaṃ vipassanāpubbaṅgamaṃ samathaṃ bhāveti.

Samathapubbaṅgamaṃ pana vipassanaṃ bhāvayatopi vipassanāpubbaṅgamaṃ samathaṃ bhāvayatopi lokuttaramaggakkhaṇe samathavipassanā yuganaddhāva honti. Evamettha bhāvanānayo veditabboti.

Papañcasūdaniyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya

Dhammadāyādasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.